**BUỔI 3.**

**BIỂU ĐỒ ĐOẠN THẲNG, BIỂU ĐỒ HÌNH QUẠT TRÒN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

+ Củng cố các kiến thức về biểu đồ đoạn thẳng, biểu đồ hình quạt tròn

+ Phân tích và xử lí được các số liệu trên các biểu đồ

+ Vận dụng kiến thức, giải được các bài toán có liên quan

**2. Năng lực:**

+ Đọc được các số liệu trên các biểu đồ

+ Xác định được các yếu tố cần biết thông qua biểu đồ

+ Xử lí, tính toán được các thông số trong các bài toán thực tế

+ Đưa được ra một nhận xét hay giải pháp thông qua việc xử lí số liệu trên biểu đồ

+ Rèn kĩ năng vẽ bảng, biểu, kĩ nang quan sát, kĩ năng tính toán, lập luận

**3. Phẩm chất:** Nghiêm túc, trung thực, chăm chỉ, tuân thủ

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên:**

+ Hệ thống kiến thức về biểu đồ đoạn thẳng, biểu đồ hình quạt tròn

+ Máy tính, máy chiếu, phiếu bài tập

+ Kế hoạch bài dạy

**2. Học sinh:**

+ Ôn tập các kiến thức về biểu đồ đoạn thẳng, biểu đồ hình quạt tròn

+ Ôn lại các kiến thức về thống kê đã học ở lớp 6

+ Compa, thước thẳng, thước đo góc, vở ghi, SGK, SBT…

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Hoạt động 1. Hệ thống kiến thức cơ bản trong buổi dạy**

**a) Mục tiêu:** Hệ thống lại các kiến thức cơ bản sử dụng trong buổi dạy

**b) Nội dung:** HS trả lời câu hỏi của giáo viên

**c) Sản phẩm:** Nội dung các câu trả lời của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| **GV giao nhiệm vụ học tập:**  + GV chiếu nội dung các câu hỏi  **HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV  + HS dưới lớp lắng nghe, suy ngẫm  **Báo cáo, thảo luận:**  + HS nhận xét câu trả lời của bạn  + Bổ xung các nội dung còn thiếu  **Kết luận, nhận định:**  + GV nhận xét bài làm của HS  + Cho điểm với những câu trả lời đúng | **1) Biểu đồ đoạn thẳng có các yếu tố sau:**  **+ Trục nằm ngang** biểu điễn các đối tượng  thống kê  **+ Trục thẳng đứng** biểu diễn tiêu chí thống  kê và trên trục đó đã xác định độ dài đơn vị  thống kê  **+ Biểu đồ đoạn thẳng** là đường gấp khúc  nối từng điểm liên tiếp bằng các đoạn thẳng  **+ Mỗi điểm đầu mút của các đoạn thẳng**  **trong đường gấp khúc** được xác định bởi  một đối tượng thống kê và số liệu thống kê  theo tiêu chí của đối tượng đó.  2) Biểu đồ hình quạt tròn có các yếu tố sau:  + Đối tượng thống kê được biểu diễn bằng  các hình quạt tròn  + Số liệu thống kê theo tiêu chí thống kê của  mỗi đối tượng (thống kê) được ghi ở hình  quạt tròn tương ứng số liệu thống kê đó được  tính theo tỉ số phần trăm  + Tổng các tỉ số phần trăm ghi ở các hình  quạt tròn là 100% nghĩa là tổng các tỉ số  phần trăm của các số liệu thành phần phải  bằng 100% (của tổng thể thống kê) |

**Hoạt động 2. Bài tập vẽ biểu đồ đoạn thẳng, biểu đồ hình quạt tròn**

**a) Mục tiêu:** Học sinh vẽ được biểu đồ đoạn thẳng biểu đồ hình quạt tròn từ bảng số liệu

**b) Nội dung:** Học sinh làm bài tập 1, 2, 3, 4

**Bài tập 1.** Khi khảo sát các loại màu yêu thích của các bạn trong lớp, bạn Hiền đã thống kê được bảng số liệu sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Màu yêu thích | Đỏ | Xanh | Vàng | Đen | Trắng |
| Số các bạn thích | 15% | 20% | 40% | 5% | 20% |

Em hãy hoàn thiện vào biểu đồ bên để thể hiện bảng dữ liệu của bạn Hiền

**Bài tập 2.** Sau một năm thực hiện đề án phổ cập bơi người ta tiến hành thu thập dữ liệu về kĩ năng bơi của học sinh tiêu học ở một huyện, thu được kết quả như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tình trạng** | Bơi thành thạo | Biết bơi nhưng chưa thành thạo | Chưa biết bơi |
| **Số học sinh** | 260 | 150 | 90 |

Vẽ biểu đồ hình quạt tròn thể diện dữ liệu trên

**Bài tập 3.** Vẽ biểu đồ đoạn thẳng biểu diễn dữ liệu của bảng thống kê sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Số học sinh đạt điểm tốt của lớp 7A trong học kì 1** | |
| **Tháng** | **Số học sinh** |
| **Tháng 9** | 7 |
| **Tháng 10** | 9 |
| **Tháng 11** | 12 |
| **Tháng 12** | 8 |

**Bài tập 4.** Vẽ biểu đồ đoạn thẳng biều diễn dữ liệu của bảng thống kê sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Thời gian giải một bài toán của 10 em học sinh tổ 1 lớp 7A** | |
| **Thời gian ( Phút)** | **Số học sinh** |
| **5** | **1** |
| **7** | **2** |
| **12** | **5** |
| **14** | **2** |

**c) Sản phẩm:** Lời giải các bài tập 1, 2, 3, 4

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| **GV giao nhiệm vụ học tập:**  + GV chiếu nội dung bài tập 1  + Yêu cầu HS nêu cách vẽ  **HS thực hiện nhiệm vụ:**  + 1 HS lên bảng cùng làm  + HS dưới lớp làm cá nhân  **Báo cáo, thảo luận:**  + Thảo luận về cách xác định phần màu  mà mỗi loại sẽ chiếm  + HS nhận xét bài làm của bạn  **Kết luận, nhận định:**  + GV nhận xét, chốt lại cách làm  **Bài tập 2.**  **GV giao nhiệm vụ học tập:**  + GV chiếu nội dung bài tập 2.  + Để vẽ được biểu đồ ta cần biết số liệu?  **HS thực hiện nhiệm vụ:**  + 1 HSK lên bảng làm bài  + HS dưới lớp làm theo nhóm nhỏ  **Báo cáo, thảo luận:**  + Cách tính phần trăm mỗi loại  + Cách xác định diện tích hình quạt  + HS nhận xét bài làm của bạn  **Kết luận, nhận định:**  + GV nhận xét bài làm của HS  + Nhấn mạnh lại các bước làm  +Nhấn mạnh việc học bơi của HS  **Bài tập 3, 4**  **GV giao nhiệm vụ học tập:**  + GV chiếu nội dung bài tập 3, 4  + Yêu cầu HS tìm cách vẽ  **HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS tìm cách vẽ  + Nêu các bước làm  + 2 HS lên bảng cùng làm  + HS dưới lớp làm cá nhân  **Báo cáo, thảo luận:**  + HS nhận xét bài làm của bạn  + Thảo luận về việc đặt tên các trục  + Thảo luận về việc sắp xếp dữ liệu nào  ở cột nào  **Kết luận, nhận định:**  + GV nhận xét bài làm của HS  + Thống nhất cách làm | **Bài tập 1.**  **TỈ LỆ MÀU YÊU THÍCH CỦA CÁC BẠN TRONG LỚP**    **Bài tập 2. Kết quả phổ cập bơi sau một năm**    **Bơi thành thạo**  **Biết bơi nhưng chưa thành thạo**  **Chưa biết bơi**  **Bài tập 3.**    **Bài tập 4.** |

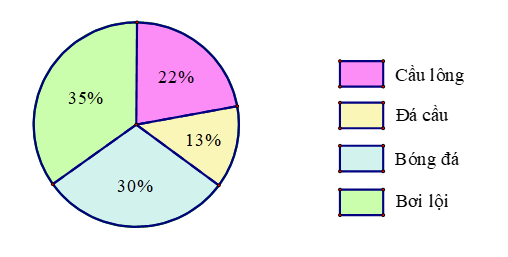
**Hoạt động 3. Bài tập Phân tích, xử lí số liệu trên Biểu đồ đoạn thẳng**

**a) Mục tiêu:** Học sinh phân tích, xử lí được các số liệu của biểu đồ

**b) Nội dung:** Học sinh làm bài tập 5, 6, 7

**Bài tập 5.** Cho biểu đồ sau:

**Tỉ lệ học sinh THCS tham gia các môn thể thao của tỉnh A**



a) Môn thể thao nào được các bạn học sinh THCS tỉnh A tham gia nhiều nhất.

b) Tỉnh A có 60060 học sinh THCS, Số học sinh tham gia bóng đá là bao nhiêu em?

c) Môn thể thao nào được ít các bạn tham gia nhất? chiếm bao nhiêu phần trăm của cả tỉnh.

**Bài tập 6.** Cho biểu đồ sau:



a) Trong biểu đồ trên, có mấy loại trái cây của hàng A nhập về.

b) Loại trái cây nào nhập về nhiều nhất, loại nào ít nhất, chiếm bao nhiêu phần trăm.

c) Nếu tổng các loại trái cây là 200kg thì Cam chiếm bao nhiêu kg?

**Bài tập 7.** Cho biểu đồ sau:



a) Trong biểu đồ trên, có mấy thể loại phim đươc được thống kê.

b) Loại phim nào được các bạn học sinh khối lớp 7 yêu thích nhất?

c) Phim hoạt hình có bao nhiêu bạn yêu thích?

**c) Sản phẩm:** Lời giải các bài tập 5, 6, 7

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| **GV giao nhiệm vụ học tập:**  + GV chiếu nội dung bài tập 5, 6, 7  + Muốn tính tỉ số % của một số làm thế nào?  **HS thực hiện nhiệm vụ:**  + 3 HS lên bảng cùng làm  + HS dưới lớp làm cá nhân  **Báo cáo, thảo luận:**  + HS nhận xét bài làm của bạn  + thảo luận về việc bán hàng trong thực tiễn  **Kết luận, nhận định:**  + GV nhận xét bài làm của HS  + Gv chia sẻ thông tin về các hình thức phim,  tác dụng của phim bạo lực và phim đen | **Bài tập 5.** Môn thể thao được các bạn lớp 7A tham gia nhiều nhất là môn Bơi  Số HS tham gia môn bóng đá là:  (học sinh)  Môn Đá cầu có ít bạn tham gia nhất, chiếm 13%  **Bài tập 6.**  + Có 5 loại trái cây của hàng A nhập về  + Loại trái cây nhập về nhiều nhất là Cam, chiếm tỉ lệ 50%  + Loại trái cây nhập về ít nhất là Mít, chiếm tỉ lệ 5%  + Nếu tổng các loại trái cây là 200kg thì Cam chiếm: (kg)  **Bài tập 7.**  + Có 4 thể loại phim được thống kê  + Phim hài được các bạn học sinh khối lớp 7  yêu thích nhất  + Phim hoạt hình có số bạn yêu thích là:  (bạn) |

**Hoạt động 4. Bài tập Bài tập Phân tích, xử lí số liệu trên Biểu đồ hình quạt**

**a) Mục tiêu:** Học sinh Phân tích, xử lí số liệu trên Biểu đồ hình quạt, đoạn thẳng

**b) Nội dung:** Học sinh làm bài tập 7, 8, 9

**Bài tập 8.** Quan sát biểu đồ dưới đây rồi trả lời một số câu hỏi sau:

a) Biểu đồ biểu diễn thông tin về vấn đề gì?

b) Đơn vị thời gian là gì?

c) Năm bao nhiêu thì sản lượng lương thực thế giới đạt trên 2000 triệu tấn.

**Bài tập 9.** Quan sát biểu đồ đoạn thẳng sau:



a) Lập bảng thống kê thể hiện biểu đồ trên.

b) Tháng nào trong năm có nhiệt độ trung bình cao nhất? thấp nhất? là bao nhiêu độ?

**c) Sản phẩm:** Lời giải các bài tập 7, 8, 9

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| **GV giao nhiệm vụ học tập:**  + GV chiếu nội dung bài tập 8, 9  + Để xác định các yếu tố cần tìm ta  làm thế nao?  **HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS tim số liệu bàng cách dựa vào  biểu đồ  + Chiếu theo hàng ngang, chiếu theo  hàng dọc để tìm giá trị tương ứng  + 2 HS lên bảng cùng làm  + HS dưới lớp làm cá nhân  **Báo cáo, thảo luận:**  + HS nhận xét bài làm của bạn  + Thảo luận về nhiệt độ hàng tháng  + Ảnh hưởng của nhiệt độ đến đời  sống, sản xuất  + Tầm quan trọng của lương thực với  cuộc sống  **Kết luận, nhận định:**  + GV nhận xét bài làm của HS  + Chốt lại các nội dung quan trọng của  buổi học | **Bài tập 8.**  a) Biểu đồ biểu diễn thông tin về Sản lượng lương thực thế giới giai đoạn 1950 - 2003  b) Đơn vị thời gian là: Năm  c) Năm 2000 thì sản lượng lương thực thế giới đạt trên 2000 triệu tấn.  **Bài tập 9.**  a) Lập bảng thống kê thể hiện biểu đồ trên.    b) Tháng 7 có nhiệt độ trung bình cao nhất là .  + Tháng 1 và tháng 2 có nhiệt độ trung bình thấp nhất là . |

**IV. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ HS học thuộc lí thuyết của bài học

+ Xem lại các dạng bài đã chữa

+ Làm bài tập trong phiếu bài tập số